

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KHÁM CHỮA BỆNH TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRẢNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

Đàm Thị Tuyết¹, Hoàng Minh Nam^{1*}, Bế Văn Khánh²

¹Trường Đại học Y Dược - ĐH Thái Nguyên,

²Trung tâm Y tế Trảng Định, Lạng Sơn

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu mô tả thực trạng hoạt động khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn năm 2016, 2017, 2018. Bài báo sử dụng phương pháp nghiên cứu mô tả, thiết kế nghiên cứu cắt ngang. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ sử dụng giường bệnh hàng năm luôn đạt trên mức quy định của Bộ Y tế (70%), bệnh nhân được khám chữa kịp thời, ít phải chờ đợi khi đi khám bệnh tại Trung tâm y tế. Số kỹ thuật thực hiện được theo phân tuyến còn thấp, cao nhất là các kỹ thuật về ngoại khoa, sản, truyền nhiễm...; thấp nhất là Vi sinh (14,3%). Tỷ lệ sử dụng giường bệnh đạt trên 100%; số ngày điều trị trung bình của bệnh nhân là 5,5 ngày. Số lượt khám chữa bệnh tại các trạm y tế xã của huyện Trảng Định tăng dần theo các năm. Số lượt khám trung bình 1 người/năm ở huyện Trảng Định từ 1,09 đến 1,21 lượt/năm.

Từ khóa: khám chữa bệnh; Trung tâm Y tế huyện; tuyến huyện; trạm y tế xã; cán bộ y tế

Ngày nhận bài: 06/10/2020; Ngày hoàn thiện: 21/10/2020; Ngày đăng: 31/10/2020

SITUATION OF DISEASE EXAMINATION ACTIVITIES IN TRANG DINH MEDICAL CENTER, LANG SON PROVINCE

Dam Thi Tuyet¹, Hoang Minh Nam^{1*}, Be Van Khanh²

¹TNU - University of Medicine and Pharmacy,

²Trang Dinh Medical Center, Lang Son Province

ABSTRACT

The objective of this study is to describe the real situation of disease examination activities of Trang Dinh Medical Center, Lang Son province in 2016, 2017, 2018. The research applied the descriptive method, and the cross-sectional research design. The results of the research show that the annual rate of using hospital beds has always been above the level prescribed by the Ministry of Health (70%), patients are promptly disease examined and less waited to see at the center. The technical numbers performed by the route are still low, the highest number being surgical techniques, obstetrics, infectious diseases...; The lowest is microbiology (14.3%). The rate using hospital beds over 100%; the average number of days of treatment for patients is 5.5 days. The number of times of medical examination at commune health centers of Trang Dinh district has increased over the years. The average number of examinations one person per year in Trang Dinh district from 1.09 to 1.21 times per year.

Keywords: disease examination; district medical center; district level; commune health center; medical staff

Received: 06/10/2020; Revised: 21/10/2020; Published: 31/10/2020

* Corresponding author. Email: hoangnam.ytn@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Đổi mới và hoàn thiện hệ thống y tế Việt Nam theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển, đảm bảo mọi người dân, đặc biệt người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em dưới 6 tuổi, các đối tượng chính sách, người dân vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản có chất lượng [1]. Mạng lưới y tế cơ sở là tuyến y tế gần dân nhất, là cầu nối giữa ngành y tế và người dân trong cộng đồng, là tuyến y tế có nhiệm vụ trực tiếp chăm sóc sức khỏe nhân dân. Mục tiêu của ngành y tế đến năm 2025: “100% số trạm y tế xã có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế và thực hiện được đầy đủ các nội dung của chăm sóc sức khỏe ban đầu, thực hiện được tối thiểu 90% danh mục dịch vụ kỹ thuật của tuyến xã; giảm tình trạng quá tải cho các bệnh viện tuyến trên, gắn kết y học cổ truyền với y học hiện đại” [2], [3]. Trong những năm qua, công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân tại huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn được các cấp, các ngành quan tâm. Mạng lưới y tế từ huyện đến xã, thôn bản được củng cố và ngày càng hoàn thiện. Tuy nhiên vẫn còn những vấn đề bất cập, trong việc phân bổ và sử dụng nguồn lực đặc biệt ở tuyến y tế cơ sở, việc chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh cho nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe còn hạn chế, dẫn đến việc quá tải ở các bệnh viện tuyến trên. Để tìm hiểu thực tế về vấn đề này chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu với mục tiêu: *Mô tả thực trạng hoạt động khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn năm 2016, 2017, 2018.*

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Cán bộ Trung tâm Y tế (TTYT) huyện, Trạm trưởng Trạm Y tế (TYT), nhân viên Y tế thôn bản (YTTB), sổ sách báo cáo hoạt động khám chữa bệnh

của Trung tâm Y tế huyện trong 3 năm 2016, 2017, 2018.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thời gian: Từ tháng 6/2018 đến tháng 6/2019.

- Địa điểm: Tại Trung tâm Y tế và TYT các xã thuộc huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

* *Thiết kế nghiên cứu:* Phương pháp nghiên cứu mô tả, thiết kế nghiên cứu cắt ngang

* *Cỡ mẫu:* Điều tra toàn bộ về hoạt động khám chữa bệnh của Trung tâm y tế.

* *Kỹ thuật chọn mẫu:* Chọn mẫu có chủ đích

* *Chỉ số nghiên cứu:* Các chỉ số về kết quả hoạt động khám chữa bệnh tại bệnh viện huyện: Các chỉ số kết quả khám chữa bệnh, điều trị ngoại trú, điều trị nội trú, công suất sử dụng giường, các chỉ tiêu về cận lâm sàng, phẫu thuật, số ca tử vong.

2.4. Kỹ thuật thu thập thông tin.

- Hồi cứu số liệu thứ cấp trên sổ sách, báo cáo đang được lưu trữ tại Trung tâm Y tế và TYT của huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn. Kết quả được ghi chép vào phiếu.

2.5. Xử lý số liệu

Theo phương pháp thống kê y học.

2.6. Khía cạnh đạo đức của nghiên cứu

Nghiên cứu đã được Hội đồng Đạo đức trường Đại học Y - Dược – Đại học Thái Nguyên xem xét thông qua. Nội dung nghiên cứu phù hợp với thực tế của Trung tâm Y tế và đã được sự đồng ý của ban giám đốc Trung tâm Y tế huyện.

3. Kết quả nghiên cứu

Kết quả bảng 1 cho thấy, công tác khám chữa bệnh của TTYT huyện Trảng Định được thực hiện tốt. Tỷ lệ sử dụng giường bệnh hàng năm luôn đạt trên 70%, số ngày điều trị trung bình của bệnh nhân chưa đến 6 ngày, bệnh nhân được khám chữa kịp thời, ít phải chờ đợi khi đi khám bệnh tại TTYT.

Bảng 1. Đánh giá chất lượng chung bệnh viện theo quy chuẩn

STT	Tiêu chí	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
		Thực hiện	Quy định	Thực hiện	Quy định	Thực hiện	Quy định
1	Tỷ lệ sử dụng giường bệnh	120	>70%	125%	>70%	113,3%	>70%
2	Ngày điều trị trung bình/người bệnh	5,5	< 6 ngày	4,97	< 6 ngày	4,83	< 6 ngày
3	Thời gian chờ đợi với NB cấp cứu	Khám chữa ngay	Khám chữa ngay	Khám chữa ngay	Khám chữa ngay	Khám chữa ngay	Khám chữa ngay
4	Thời gian chờ đợi KCB, XN, XQ	< 30 phút	< 30 phút	< 30 phút	< 30 phút	< 30 phút	< 30 phút
5	Tỷ lệ nhiễm khuẩn sau mổ	< 10%	< 10%	< 10%	<10%	< 10%	< 10%
6	Tỷ lệ loét do nằm lâu	0,4%	< 1%	Không có	< 1%	Không có	< 1%

Bảng 2. Thực trạng thực hiện danh mục kỹ thuật so với quy định

TT	Nội dung	2016			2017		2018	
		Qui định	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	Hồi sức cấp cứu và Chống độc	193	132	68,39	139	72,02	160	82,90
2	Nội khoa	101	60	59,41	63	62,38	63	62,38
3	Nhi khoa	1.269	615	48,46	643	50,67	643	50,67
4	Da liễu	14	10	71,43	10	71,43	10	71,43
5	Tâm thần	18	15	83,33	16	88,89	16	88,89
6	Nội tiết	17	15	88,24	15	88,24	15	88,24
7	Y học cổ truyền	401	159	39,65	174	43,39	175	43,64
8	Gây mê hồi sức	937	664	70,86	664	70,86	664	70,86
9	Ngoại khoa	123	78	63,41	79	64,23	79	64,23
10	Bóng	43	32	74,42	47	109,30	47	109,30
11	Ung bướu	38	29	76,32	29	76,32	29	76,32
12	Phụ sản	106	89	83,96	89	83,96	89	83,96
13	Mắt	84	28	33,33	31	36,90	31	36,90
14	Tai mũi họng	120	43	35,83	43	35,83	43	35,83
15	Răng hàm mặt	80	50	62,50	50	62,50	50	62,50
16	Phục hồi chức năng	132	60	45,45	60	45,45	62	46,97
17	Điện quang	104	53	50,96	53	50,96	53	50,96
18	Nội soi chẩn đoán, can thiệp	7	4	57,14	4	57,14	4	57,14
19	Thăm dò chức năng	34	8	23,53	12	35,29	12	35,29
20	Huyết học - truyền máu	83	16	19,28	19	22,89	19	22,89
21	Hóa sinh	69	20	28,99	25	36,23	26	37,68
22	Vi sinh, ký sinh trùng	133	5	3,76	5	3,76	19	14,29

Bảng 2 cho thấy việc thực hiện được các kỹ thuật theo phân tuyến của TTYT không đều giữa các khoa. Các khoa hồi sức, nội tiết, tâm thần, phụ sản, bóng đều thực hiện trên 80% kỹ thuật phân tuyến. Các chuyên khoa thực hiện được ít kỹ thuật là huyết học truyền máu (22,89%), hóa sinh (37,68%), vi sinh (14,29%).

Bảng 3. Kết quả hoạt động khám chữa bệnh của bệnh viện

Số TT	Nội dung Các chỉ số hoạt động KCB	2016			2017			2018		
		Chỉ tiêu	Thực hiện	Đạt so KH	Chỉ tiêu	Thực hiện	Đạt so KH	Chỉ tiêu	Thực hiện	Đạt so KH
1	Tổng số lần KB	29.750	29.443	98,97	29.750	36.347	122,17	31.500	36.324	115,31
2	Tổng số NB điều trị nội trú	5.641	6.122	108,53	4.641	8.041	173,26	5.309	7.723	145,5
3	Tổng số NB điều trị ngoại trú	1.410	2.113	149,86	1.410	1.579	111,99	1.327	3.279	247,1
4	Số ngày điều trị TB 1 NB khỏi bệnh	5,5	5,5		5,5	4,97		5,5	4,83	
5	Công suất sử dụng giường bệnh (%)	75	120		75	125		90	113,93	
6	Tổng số lần xét nghiệm		30.727			45.802			40.023	
7	Tổng số lần siêu âm		3.111			3.910			4.521	
8	Tổng số chụp XQ		5.023			8.082			6.215	
9	Tổng số lần phẫu thuật:		297			466			393	
	- PT loại 1		53			126			108	
	- PT loại 2		241			312			242	
	- PT loại 3		3			28			43	
	- Cấp cứu		297			466			393	
	- Mô phiến		0			0			0	
10	Tổng số lần thủ thuật		19.898			22.913			21.580	
11	Tổng số tử vong tại BV		06			04			8	
	- trước 24 giờ đầu		6			4			8	
	- Tử vong sau 24 giờ		0			0			0	
12	Tỷ lệ chuyển viện		7,9			7,87			8,31	

Bảng 4. Kết quả một số hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản

TT	Hoạt động KCB	2016			Chỉ tiêu	2017		Chỉ tiêu	2018	
		Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỷ lệ đạt (%)		Thực hiện	Tỷ lệ đạt (%)		Thực hiện	Tỷ lệ đạt (%)
1	Khám thai	931	759	81,52	899	732	81,42	843	660	78,29
2	Khám phụ khoa	16.318	3.830	23,47	16.049	4.234	26,38	16.560	3.216	19,42
3	Điều trị phụ khoa		643			787			737	
4	Hút đ/hòa kinh nguyệt		9			19			14	
5	Mổ đình sản	3	7	233,33	3	14	466,67	3	10	333,33
6	Số ca đẻ		931			899			843	
7	Số ca mổ lấy thai		229			285			227	

Kết quả bảng 3 cho thấy hoạt động KCB của TTYT được thực hiện tốt với tỷ lệ sử dụng giường bệnh luôn đạt trên 100%, số ngày điều trị nội trú của bệnh nhân thấp. Kết quả bảng 4 về hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản cho thấy tỷ lệ phụ nữ mang thai đến khám thai đạt trên 80% ở năm 2016 và 2017; năm 2018 tỷ lệ này giảm xuống còn 78,3%. Tỷ lệ đối tượng đến khám phụ khoa năm 2018 cũng giảm hơn so với năm 2016 và 2017, chỉ đạt 19,42%. Kết quả bảng 5 cho thấy tỷ lệ bệnh nhân điều trị đúng tuyến tại TTYT huyện Trảng Định đạt trên 90%; không có trường hợp điều trị trái

tuyến ở năm 2017, 2018; tỷ lệ chuyển tuyến bệnh nhân dao động trong khoảng từ 9,4% – 10,4%. Bảng 6 cho thấy số lượt KCB tại các TYT xã huyện Trảng Định tăng dần theo các năm. Số lượt khám trung bình 1 người/năm ở huyện Trảng Định từ 1,09 đến 1,21 lượt/năm.

Bảng 5. Kết quả hoạt động khám bệnh cho người có thẻ BHYT

TT	Khám có thẻ BHYT	2016		2017		2018	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Đúng tuyến	24.007	88,11	27.855	90,6	28.754	90,49
2	Trái tuyến	395	1,45	0	0	0	0
3	Chuyển tuyến	2.845	10,44	2.889	9,4	3.021	9,5
	Tổng	27.247	100	30.744	100	31.775	100

Bảng 6. Kết quả hoạt động KCB của các Trạm y tế xã thuộc huyện Trảng Định trong 3 năm: 2016 - 2017 - 2018

TT	Các chỉ số hoạt động KCB	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Tổng số trạm y tế xã, thị trấn	23	23	23
2	Tổng dân số toàn huyện	61233	62100	62775
3	Tổng số lượt KCB tại trạm	63307	68933	71806
	- Số lượt KCB cho đối tượng BHYT	32064	39115	33559
	- Số lượt KCB cho người nghèo	8934	10316	9329
	- Số lượt KCB cho trẻ em < 6 tuổi	7219	8891	8877
	- Số lượt KCB miễn phí	23485	26673	27919
	- Số lượt cấp cứu tai nạn giao thông	134	167	143
	- Số lượt cấp cứu khác	198	241	289
	- Số lượt KCB khác	13205	10807	14761
4	Tổng số lượt KCB ngoài trạm	9295	8628	9325
5	Tổng số lượt KCB tại trạm và ngoài trạm	66782	73072	76474
6	Bình quân số lượt KCB/1 TYT/năm	2903,56	3177,04	3324,96
7	Bình quân số lượt khám bệnh/ người dân/ năm	1,09	1,17	1,21

4. Bàn luận

Kết quả bảng 1 cho thấy chất lượng chung của bệnh viện đạt theo quy chuẩn. Công tác khám chữa bệnh của TTYT Trảng Định được thực hiện rất tốt. Tỷ lệ sử dụng giường bệnh hàng năm đều vượt trên 100%, số ngày điều trị bệnh nhân trung bình dưới 6 ngày, thời gian chờ đợi ngắn, tỷ lệ nhiễm khuẩn... đều thấp hơn so với quy định. Điều này cho thấy chất lượng dịch vụ của TTYT đã đảm bảo được theo yêu cầu về chất lượng của BHYT.

Tương đồng với kết quả bảng 1, bảng 2 cho thấy việc thực hiện các danh mục kỹ thuật theo phân tuyến quy định của TTYT huyện Trảng Định còn nhiều hạn chế. Các danh mục theo kỹ thuật phân tuyến quy định trong thông tư 43/2013/TT-BYT [4] được TTYT cố gắng thực hiện. Tuy nhiên, chỉ có một số chuyên khoa có tỷ lệ thực hiện kỹ thuật theo phân tuyến đạt trên 80% như hồi sức cấp cứu, tâm thần, nội tiết, phụ sản... còn lại rất nhiều

chuyên khoa có tỷ lệ thực hiện số kỹ thuật theo phân tuyến rất thấp như mắt (36,9%); thăm dò chức năng (35,3%); tai mũi họng (35,8%),... nguyên nhân gây ra vấn đề này có thể do TTYT thiếu trang thiết bị kỹ thuật để thực hiện và thiếu nhân lực để thực hiện kỹ thuật cả về số lượng và chất lượng. Kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu của Đinh Hoàng Giang tại Cao Lộc, Lạng Sơn [5] và nghiên cứu của Nguyễn Văn Cường tại Bệnh viện Quân Y 91, Quân khu I [6].

Hoạt động khám chữa bệnh của TTYT được thể hiện ở bảng 3 cho thấy hoạt động KCB ngày càng được đẩy mạnh. Số lượt KCB tăng dần theo các năm, tỷ lệ sử dụng giường bệnh hàng năm luôn trên 100%. Số ngày trung bình điều trị của bệnh nhân chỉ từ 4,8 đến 5,5 ngày. Điều này phù hợp với tỷ lệ nhiễm khuẩn sau mổ hay tỷ lệ loét do nằm lâu của bệnh nhân điều trị tại trung tâm là rất thấp. Kết quả nghiên cứu này cũng phù hợp với nghiên cứu của Lê Vũ Cường tại Tân Uyên,

Lai Châu [7] và nghiên cứu của Đặng Đình Thắng tại Văn Yên, Yên Bái [8]. Để đạt được kết quả này cán bộ, nhân viên TTYT đã cố gắng khắc phục những khó khăn để thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Bảng kết quả 4 cho thấy tỷ lệ khám thai đủ 3 lần trong quá trình mang thai của phụ nữ tại huyện Trảng Định chỉ đạt khoảng 81%, thậm chí năm 2018 tỷ lệ này còn giảm xuống còn 78,3%. Điều này có thể do cùng với sự phát triển của kinh tế, xã hội tại địa phương, nhiều cơ sở khám bệnh tư nhân chuyên về sản khoa xuất hiện ngày càng nhiều trên địa bàn phần nào đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe của phụ nữ có thai. Đồng thời phụ nữ trong thời gian mang thai vẫn phải đi làm, khó khăn trong việc đến khám thai tại cơ sở y tế trong giờ hành chính... nên 1 phần phụ nữ có thai đã đi khám thai tại các cơ sở y tế tư nhân thay vì đến với các cơ sở y tế công lập.

Với hầu hết người dân trên địa bàn huyện đều có Bảo hiểm y tế (BHYT), bảng 5 cho thấy tỷ lệ khám đúng tuyến BHYT ở đây đạt đến trên 88%; khám trái tuyến chỉ xuất hiện tại năm 2016; số ca chuyển tuyến chỉ khoảng 10%/năm. Trong điều kiện bình thường, có khả năng điều trị, TTYT sẽ không chuyển tuyến bệnh nhân. Bệnh nhân chỉ được chuyển tuyến khi TTYT không có khả năng điều trị hay chăm sóc bệnh nhân. Mặt khác, vì ở đây người dân đều có thể BHYT nên họ ưu tiên việc thực hiện KCB theo đúng tuyến để được hưởng BHYT.

Cũng như tại TTYT, chủ yếu bệnh nhân đến khám tại trạm y tế (TYT) đều có thể BHYT. Năm 2016, các TYT có 63307 lượt khám chữa bệnh, năm 2017 là 68933 lượt và đến năm 2018 tăng lên 71806 lượt. Bảng 6 còn cho thấy tỷ lệ khám bệnh trung bình của 1 người dân tại các TYT huyện Trảng Định đạt 1,09 - 1,21 lần/năm. Tỷ lệ này thấp hơn so với nghiên cứu của Lê Vũ Cương (2018) là hơn 2 lần/năm [7]. Đây là thông tin tốt trong công tác chăm sóc sức khỏe người dân khi tỷ lệ sử dụng dịch vụ y tế của người dân trong 3 đều thấp,

chứng tỏ tỷ lệ mắc bệnh (có nhu cầu sử dụng dịch vụ y tế) của người dân thấp.

5. Kết luận

- Công tác khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Trảng Định được thực hiện tương đối tốt. Tỷ lệ sử dụng giường bệnh hàng năm luôn đạt trên mức quy định của Bộ Y tế (70%), bệnh nhân được khám chữa kịp thời, ít phải chờ đợi khi đi khám bệnh tại Trung tâm Y tế.

- Số kỹ thuật thực hiện được theo phân tuyến còn thấp. Cao nhất là các kỹ thuật về ngoại khoa, sản, truyền nhiễm... Thấp nhất là Vi sinh (14,3%). Tỷ lệ sử dụng giường bệnh đạt trên 100%; số ngày điều trị trung bình của bệnh nhân là 5,5 ngày.

- Số lượt khám chữa bệnh tại các trạm y tế xã huyện Trảng Định tăng dần theo các năm. Số lượt khám trung bình 1 người/năm ở huyện Trảng Định từ 1,09 đến 1,21 lượt/năm

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1]. Vietnam Government, *Decision No. 122/QĐ-TTg about Approving the National Strategy for the protection, care and promotion of the people's health for the period 2011 - 2020, with a vision to 2030*, Hanoi, 2013, p. 1.
- [2]. Central Executive Committee, *Resolution No. 20-NQ/TW of the 6th Conference of the 12th Central Executive Committee on the protection, care and improvement of the people's health in the new situation, border*, Central Executive Committee, Hanoi, 2017.
- [3]. Ministry of Health, *Decision No. 1718/QĐ-BYT dated 8th May 2019 about Approving the project: "Strengthening training, transferring technology, enhancing professional capacity in commune and ward health centers, period 2019 - 2025"*, Hanoi, 2019, p. 3.
- [4]. Ministry of Health, *Circular No. 43/2013/TT-BYT dated 11th December 2013 about detailing the technical and professional classification for the system of medical examination and treatment facilities*, Hanoi, 2013.
- [5]. H. G. Dinh, "Organization and operation status of Medical Center in Cao Loc district, Lang Son province and proposing solutions," Specialized Thesis II, Thai Nguyen

- University of Medicine and Pharmacy, Thai Nguyen, 2016.
- [6]. V. C. Nguyen, "Organizational situation, medical examination and treatment activities at Military Medicine Hospital 91, Military Region I and proposed solutions," Thesis of Specialization II, Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy, Thai Nguyen, 2016.
- [7]. V. C. Le, "Organization and operation status of the medical center of Tan Uyen district, Lai Chau province and proposing solutions," Thesis of Specialist Doctor II, Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy, Thai Nguyen, 2018.
- [8]. D. T. Dang, and T. T. Dam (2012), "The situation of provision and use of medical examination and treatment services at Van Yen district general hospital, Yen Bai province," *Journal of Practical Medicine*, vol. 807, no. 2, pp. 17-21, 2012.